Bộ Xây dựng
06-06-2023
09:21:11 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 189 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần 539 Tư vấn – Xây dựng công trình và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 26/5/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần 539 Tư vấn – Xây dựng công trình

Địa chỉ: Số 43, đường Trần Bình Trọng, khối Đại Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số thuế: **2901222636**

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định xây dựng công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 43, đường Trần Bình Trọng, khối Đại Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1023**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 380/GCN-BXD ngày 18/6/2018 và Giấy chứng nhận bổ sung số 24/GCN-BXD ngày 26/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty CP 539 Tư vấn – Xây dựng công trình;
- SXD tỉnh Nghệ An;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1023

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số:189 /GCN-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2023)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	**CƠ LÝ XI MĂNG**	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
2	**BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2002
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
	Xác định cường độ kéo nhổ thép khoan cấy, bu lông	TCVN 9490:2012
3	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-02:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-04:2006
	Xác định KLR, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-05:2006
	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-06:2006
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:2006
	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-09:2006
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006
	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
4	**ĐẤT TRONG PHÒNG**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
	Tổng hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727:2012; TCVN 9436:2012
	Hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
5	**KIM LOẠI, VÀ LIÊN KẾT HÀN**	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
	Thư uốn	TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
6	**BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
7	**NHỰA BI TUM**	
	Xác định độ kim lún ở 25 ^{0}C	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25 ^{0}C	TCVN 7496:2005

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định điểm hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
8	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; ASTM D1556
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Thí nghiệm xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (Thí nghiệm nén nền)	TCVN 9354:2012
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012
	Phương pháp xác định độ chặt sau đầm nén đất tại hiện trường (thay thế bằng cát hoặc nước trong hố đào)	TCVN 8730:2012
	Thí nghiệm đo độ dày lớp phủ	TCVN 5408:2007
9	**GẠCH XÂY**	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
10	**VỮA XÂY DỰNG**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
11	**VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020
	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
	Tỷ trọng	TCVN 8735:2012
	Hàm lượng bùn trong sét	TCVN 7572-8:2006
12	**THỬ NGHIỆM BENTONITE**	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017
	Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017
	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017
	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017
	Xác định tỷ lệ keo (độ trương nở)	TCVN 11893:2017
	Xác định lượng tách nước	TCVN 11893:2017
	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017
	Xác định tính ổn định	TCVN 11893:2017
	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.